

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ F, ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ F, ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án ở đội (tổ) 14, phân trại số 4, trại giam X.

(Bà C và ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 84, ngày 01/7/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà không tin tưởng vào bà, tối ngày kiếm chuyện với bà rồi đánh đập bà, còn lấy dao kề vào cổ bà đòi giết bà. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Phạm Nhật H, sinh ngày 06/02/2006 và Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 21/01/2008. Ly hôn, đối với con chung Phạm Nhật H đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, đối với Phạm Thị Như Ý bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Ngọc C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2011, có tổ chức đám cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi cự, xô sát nhau. Nay bà C có đơn yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, con.

- Về con chung: Ông và bà C có 02 con chung là Phạm Nhật H, sinh ngày 06/02/2006 và Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 21/01/2008. Hiện nay hai cháu đang trực tiếp ở với bà C, nếu ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

Về con chung: Bà C và ông T có 02 con chung là Phạm Nhật H, sinh ngày 06/02/2006 và Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 21/01/2008. Ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không xem xét, đối với cháu Ý giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Văn T cư trú tại huyện V, tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C và bị đơn ông Phạm Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà C và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011, đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn, trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà C có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T xảy ra từ khoảng năm 2012 đến nay. Bà C cho rằng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T đánh đập, đe dọa bà giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, xô xát nhau. Bà C yêu cầu ly hôn ông T không đồng ý với lý do ông còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để vợ chồng

ông khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ với nhau, năm 2022 ông T còn phạm tội “Hiếp dâm” phải đi chấp hành án phạt tù.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T là có thật, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C, bà C được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà C và ông T có 02 con chung là Phạm Nhật H, sinh ngày 06/02/2006 và Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 21/01/2008. Ly hôn, đối với Phạm Nhật H đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu giải quyết, đối với Phạm Thị Như Ý bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T đồng ý giao cho bà C nuôi dưỡng. Nguyên vọng cháu Ý cũng mong muốn sống chung với bà C.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao con chung Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 21/01/2008 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Phạm Văn T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc C được ly hôn ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 21/01/2008 cho bà Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009200 ngày 06/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lý;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại